

Số: /BC-HĐND

Cao Bằng, ngày 25 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách trình kỳ họp thứ 13 (chuyên đề) Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định và sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã tổ chức thẩm tra các hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thứ 13 (chuyên đề) HĐND tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Trên cơ sở các hồ sơ dự thảo Nghị quyết của UBND tỉnh trình, ý kiến tham gia của các đại biểu tham dự cuộc họp, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

A. ĐỐI VỚI CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY PHẠM PHÁP LUẬT

I. Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng (NQ 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022).

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ UBND tỉnh trình Ban KTNS thẩm tra thiếu bản chụp ý kiến góp ý của các đơn vị. Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh nộp bổ sung để lưu hồ sơ theo quy định.

2. Căn cứ pháp lý để ban hành:

Theo quy định tại điểm **a khoản 5 Điều 7 Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg**: “*Căn cứ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương được quy định tại quyết định này, đặc điểm tình hình thực tế của địa phương, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm cho các ngành, các cấp của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định*”.

Căn cứ quy định trên, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, nay sau khi triển khai thực hiện có vướng mắc, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh.

Ban KTNS thấy như vậy là có căn cứ để HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021

đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng.

3. Sự cần thiết ban hành nghị quyết

Theo báo cáo của UBND tỉnh, sau khi Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của HĐND tỉnh¹ được ban hành và triển khai thực hiện đã phát sinh các vướng mắc, cụ thể:

(1) Tiêu dự án 1 của Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị: đề nghị không giao vốn cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tăng phân bổ cho các huyện, thành phố. Lý do diện tích rừng do ngành nông nghiệp quản lý đã được hỗ trợ theo chương trình khác, không giao để tránh trùng lặp.

(2) Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: đề nghị tăng giao cho Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch; giảm giao cho các huyện, thành phố vì liên quan đến đặc thù chuyên môn quản lý ngành.

(3) Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: đề nghị tăng giao cho Sở Y tế; giảm giao cho các huyện, thành phố vì liên quan đến đặc thù chuyên môn quản lý ngành.

(4) Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: đề nghị tăng giao cho Hội LHPN, giảm giao cho Sở LĐTBXH do khối lượng nhiệm vụ theo chức năng.

*** Ý kiến của Ban KTNS:**

Xuất phát từ tình hình thực tế nêu trên, Ban KT - NS thấy rằng việc sửa đổi, bổ sung Điều 5 của NQ 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 là cần thiết, Ban KT - NS nhất trí.

Tuy nhiên, nghị quyết mới được ban hành và triển khai thực hiện chưa được 01 năm, đến nay đã đề nghị Sửa đổi, bổ sung, những bất cập khi triển khai thực hiện (khi chưa có hướng dẫn mới từ trung ương), như vậy, tính dự báo khi xây dựng nghị quyết là chưa chính xác. Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo giải trình rõ thêm: đã rà soát tất cả các nội dung bất cập của quy định kèm theo Nghị quyết để trình HĐND tỉnh điều chỉnh chưa?

4. Ý kiến của Ban KTNS:

4.1. Đối với nội dung dự thảo Nghị quyết

(1) Tên của dự thảo nghị quyết:

¹ Về Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

Sau khi tiếp thu ý kiến đóng góp đối với dự thảo nghị quyết, Qua thẩm tra Ban KT - NS nhất trí với tên dự thảo Nghị quyết như UBND tỉnh đang trình.

(2)- Tiểu dự án 1 của Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị. UBND tỉnh đề nghị không giao vốn cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đề nghị điều chỉnh như sau:

1. Sửa đổi đơn vị nhận phân bổ vốn sự nghiệp tại nội dung b, tiết 1.3.1, điểm 1.3, khoản 1, Điều 5 như sau:

“b) Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ cho cấp huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:”

- Ý kiến của Ban KTNS:

+ Năm 2022 kinh phí giao cho Sở Nông nghiệp nhưng không thực hiện được, đề nghị UBND tỉnh báo cáo thì số kinh phí này hiện nay xử lý thế nào?

+ Năm 2023 không giao chỉ tiêu kinh phí cho Sở Nông nghiệp chỉ căn cứ vào văn bản tạm thời không nhận phân bổ năm 2023, UBND tỉnh không báo cáo HĐND tỉnh trong quá trình xây dựng phương án trình HĐND tỉnh phân bổ giao dự toán là chưa đúng quy định đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ lý do?

+ Dự thảo Nghị quyết dự giao toàn bộ kinh phí cho các huyện, thành phố thực hiện, đề nghị UBND tỉnh khẳng định các huyện, thành phố đảm bảo khả năng thực hiện và giải ngân hết số kinh phí giao tăng thêm?

(3)- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch. UBND tỉnh đề nghị tăng giao cho Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch; giảm giao cho các huyện, thành phố vì liên quan đến đặc thù chuyên môn quản lý ngành. UBND tỉnh đề nghị điều chỉnh, cụ thể điều chỉnh như sau:

“2. Sửa đổi định mức phân bổ vốn đầu tư tại nội dung a, b, tiết 1.6.1, điểm 1.6 khoản 1 Điều 5 như sau:

“a) Phân bổ cho sở, ban, ngành tỉnh: Phân bổ vốn không quá 50% cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh để thực hiện các nội dung của Chương trình.

b) Phân bổ vốn cho cấp huyện: tối thiểu 50% vốn giao cho dự án”

3. Sửa đổi định mức phân bổ vốn sự nghiệp tại nội dung a, b, tiết 1.6.2, điểm 1.6, khoản 1, Điều 5 như sau:

“a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành tỉnh: Phân bổ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch không quá 60% để thực hiện các nội dung của Chương trình.”

b) Phân bổ vốn cho cấp huyện: tối thiểu 40% số vốn của dự án này”

*** Ý kiến của Ban KTNS:** Đề nghị UBND tỉnh báo cáo thêm khả năng giải ngân vốn của Sở Văn hóa- thể thao và Du lịch; Căn cứ đề xuất, tính toán để

đưa ra các tỷ lệ phân bổ mới. Cụ thể, theo số liệu Báo cáo của Ban Dân tộc chưa báo cáo rõ số vốn đã giải ngân của Sở Văn hóa- thể thao và Du lịch:

- Năm 2022, nguồn vốn thực hiện dự án là 16.666 triệu đồng. Cụ thể: Vốn đầu tư là 11.382 triệu đồng (trong đó Sở VHTTDL là 2.270 triệu đồng, các huyện là 9.112 triệu đồng); Vốn sự nghiệp là 5.284 triệu đồng (trong đó Sở VHTTDL là 2.100 triệu đồng, các huyện là 3.184 triệu đồng).

Kết quả giải ngân đến ngày 31/01/2023, dự án 6 lũy kế giải ngân được 9.399,640 triệu đồng/16.666 triệu đồng, đạt 56,40% KH, cụ thể: Vốn đầu tư phát triển: Đã thực hiện được 5.598,91 triệu đồng/11.382 triệu đồng, đạt 49,19% KH; Vốn sự nghiệp: Đã thực hiện được 3.800,729 triệu đồng/5.284 triệu đồng, đạt 71,93% KH.

- Năm 2023, nguồn vốn thực hiện dự án là 29.376 triệu đồng. Cụ thể: Vốn đầu tư là 15.258 triệu đồng (trong đó Sở VHTTDL là 3.050 triệu đồng, các huyện là 12.208 triệu đồng); Vốn sự nghiệp là 14.118 triệu đồng (trong đó Sở VHTTDL là 5.645 triệu đồng, các huyện là 8.473 triệu đồng);

Hiện nay các cơ quan, đơn vị đang xây dựng KH thực hiện, chưa có khối lượng thực hiện và chưa có kết quả giải ngân vốn.

(4) Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: đề nghị tăng giao cho Sở Y tế. UBND tỉnh đề nghị giảm giao cho các huyện, thành phố vì liên quan đến đặc thù chuyên môn quản lý ngành. UBND tỉnh đề nghị điều chỉnh, cụ thể điều chỉnh như sau:

“4. Sửa đổi định mức phân bổ vốn sự nghiệp tại nội dung a, b, tiết 1.7.2, điểm 1.7, khoản 1, Điều 5 như sau:

“a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành tỉnh: Phân bổ cho Sở Y tế tối thiểu 90%.

b) Phân bổ vốn cho cấp huyện tối đa không quá 10%: Áp dụng phương pháp tính điểm của các tiêu chí sau.”

*** Ý kiến của Ban KTNS:** Đề nghị UBND tỉnh báo cáo thêm khả năng giải ngân vốn của Sở Y tế; Căn cứ đề xuất, tính toán để đưa ra các tỷ lệ phân bổ mới. Cụ thể, theo số liệu Báo cáo của Ban Dân tộc chưa báo cáo rõ số vốn đã giải ngân của Sở Y tế:

- Năm 2022: Nguồn vốn NSTW giao triển khai dự án là 5.891 triệu đồng vốn sự nghiệp. Trong đó: Sở Y tế là 4.100 triệu đồng, các huyện là 1.791 triệu đồng. Kết quả giải ngân: Đến ngày 31/01/2023, dự án 7 lũy kế giải ngân được 4.154,261 triệu đồng/5.891 triệu đồng, đạt 70,52% KH

- Năm 2023: Nguồn vốn NSTW thực hiện dự án là 16.283 triệu đồng vốn sự nghiệp. Trong đó: Sở Y tế là 11.395 triệu đồng, các huyện là 4.888 triệu đồng. Hiện nay các cơ quan, đơn vị đang xây dựng KH thực hiện, chưa có khối lượng thực hiện và chưa kết quả giải ngân vốn.

(5) Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em. UBND tỉnh đề nghị tăng giao cho Hội LHPN, giảm giao cho Sở LĐTBXH do khối lượng nhiệm vụ theo chức năng. UBND tỉnh đề nghị điều chỉnh, cụ thể điều chỉnh như sau:

“5. Sửa đổi định mức phân bổ vốn sự nghiệp tại nội dung a, tiết 1.8.2, điểm 1.8, khoản 1, Điều 5 như sau:

“a) Phân bổ cho các sở, ban, ngành tỉnh không quá 50% tổng số vốn ngân sách Trung ương giao cho dự án. Cụ thể phân bổ cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tối thiểu 85%; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh không quá 15% tổng vốn của các sở, ban, ngành tỉnh để thực hiện các nội dung của Chương trình.”

*** Ý kiến của Ban KTNS:** Đề nghị UBND tỉnh báo cáo thêm khả năng giải ngân vốn; Căn cứ đề xuất, tính toán để đưa ra các tỷ lệ phân bổ mới. Cụ thể, theo số liệu Báo cáo của Ban Dân tộc chưa báo cáo rõ số vốn đã giải ngân của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh:

- Năm 2022: Nguồn vốn thực hiện dự án là 14.565 triệu đồng vốn sự nghiệp. Trong đó: Cấp tỉnh là 7.280 triệu đồng (Sở LĐTBXH là 3.640 triệu đồng, Hội LHPN là 3.640 triệu đồng)

- Năm 2023: Nguồn vốn thực hiện dự án là 39.215 triệu đồng vốn sự nghiệp. Trong đó: Cấp tỉnh là 16.800 triệu đồng (Sở LĐTBXH là 7.000 triệu đồng, Hội LHPN là 9.800 triệu đồng)

4.2. Về thể thức và kỹ thuật soạn thảo văn bản

- Ban KT -NS đề nghị UBND tỉnh soạn thảo lại nội dung các khoản của Điều 1 dự thảo Nghị quyết để khi đọc vào nghị quyết mới thì không phải tra cứu lại các nội dung quy định tại Điều 5 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Tại điều 4 của dự thảo Nghị quyết đề nghị quy định “... có hiệu lực từ ngày thông qua”.

- Rà soát lại nơi nhận của Nghị quyết để đảm bảo đúng và đủ theo các quy định hiện hành.

Ban KT - NS đề nghị các đại biểu xem xét, thảo luận và nhất trí thông qua nghị quyết.

II. Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025 ban hành

kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng.

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ UBND tỉnh trình Ban KTNS thẩm tra thiếu bản chụp ý kiến đóng góp của các đơn vị. Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh nộp bổ sung để lưu hồ sơ theo quy định.

2. Căn cứ pháp lý để ban hành:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg:

“Điều 19. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Căn cứ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, bố trí vốn đối ứng, lồng ghép các nguồn lực khác, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương để thực hiện Chương trình và trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định”

Căn cứ quy định trên, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, nay sau khi triển khai thực hiện có vướng mắc, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh.

Ban KTNS thấy như vậy là có căn cứ để HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng.

3. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Theo báo cáo của UBND tỉnh, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 (Nghị quyết số 02)². Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 02 còn nội dung chưa phù hợp, cụ thể:

(1) Tại tiết a điểm 3.2 khoản 3 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND quy định định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương: *“Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố”* để thực hiện tiểu dự án 2 Cải thiện tình trạng dinh dưỡng (thuộc Dự án 3) là chưa phù hợp, do:

Sau khi Nghị quyết số 02 được ban hành thì Bộ Trưởng Bộ Tài chính mới có Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính *“quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025”*, và ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế mới có Quyết định số 1768/QĐ-BYT về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện nội dung *“Cải*

² Quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 -2025

thiện dinh dưỡng” thuộc CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Theo hướng dẫn của Bộ Trưởng Bộ Tài chính và Bộ Trưởng Bộ Y tế thì một số nội dung chuyên môn chỉ tuyến tỉnh mới có thể thực hiện được³. Do đó, cần bổ vốn cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh để triển khai thực hiện.

(2) Tại tiết a điểm 4.3 khoản 4 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND quy định định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương: *“Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án tối đa 10% cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan; tối thiểu 90% cho các huyện, thành phố”* để thực hiện Tiểu dự án 3 Hỗ trợ việc làm bền vững (thuộc Dự án 4) là chưa phù hợp, chưa cụ thể tiêu chí, định mức phân bổ đối với từng nguồn vốn đầu tư và sự nghiệp (tại thời điểm xây dựng Nghị quyết số 02 chưa có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội). Ngày 19/9/2022, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Công văn số 3617/LĐTBXH-VL về việc thực hiện Tiểu dự án hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025:

- **Đối với vốn đầu tư phát triển**, theo quy định tại khoản 2, Công văn số 3617/LĐTBXH-VL hướng dẫn: *“2. Về xây dựng sàn giao dịch việc làm trực tuyến và cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc... Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ hiện trạng, nhu cầu của địa phương để đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin (phần cứng) đảm bảo phục vụ hoạt động giao dịch việc làm trực tuyến và thu thập, cập nhật, lưu trữ khai thác sử dụng thông tin việc tìm người - người tìm việc”*. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2021-2025, một số huyện trên địa bàn tỉnh chưa có khả năng thực hiện nội dung *“Hỗ trợ nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hoá hệ thống thông tin thị trường lao động, xây dựng các cơ sở dữ liệu về thông tin thị trường lao động”* từ nguồn vốn đầu tư phát triển. Do vậy, cần điều chỉnh tỷ lệ vốn đầu tư phát triển cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành, đơn vị liên quan thực hiện cho phù hợp.

- **Đối với vốn sự nghiệp**, tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh, đã phân bổ vốn ngân sách Trung ương với định mức 10% cho Sở Lao động -Thương binh và Xã hội, 90% cho các huyện, thành phố.

Tỷ lệ phân bổ trên không phù hợp với trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm dịch vụ việc làm (Quy định tại Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ⁴ và Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày

³ Cân đo nhân trắc, xét nghiệm máu, phỏng vấn khẩu phần, chế độ ăn, thói quen tiêu thụ thực phẩm, phỏng vấn thông tin nhân khẩu học, tiền sử nuôi dưỡng, tiền sử bệnh tật

⁴ Thực hiện tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động và cung cấp thông tin thị trường lao động miễn phí. (2) Bảo đảm chất lượng dịch vụ sự nghiệp công về việc làm theo các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. (3) Tổ chức thực hiện các hoạt động giao dịch việc làm, xây dựng dữ liệu người tìm việc, việc làm trống để kết nối cung cầu lao động. (4) Thực hiện đúng quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của trung tâm dịch vụ việc làm...”

30/6/2022 của Bộ Trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội⁵). Các huyện, thành phố chủ yếu thực hiện các nội dung hỗ trợ tổ chức giao dịch việc làm; khảo sát, thu thập, thống kê thông tin thị trường lao động phục vụ các hoạt động giao dịch việc làm, thu thập thông tin về người lao động.

Căn cứ các quy định của trung ương và xuất phát từ tình hình thực tế nêu trên, Ban KT - NS thấy rằng việc sửa đổi, bổ sung Điều 5 của NQ 02/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 là cần thiết, Ban KT - NS nhất trí.

3. Ý kiến của Ban KTNS:

(1) Tên nghị quyết:

Sau khi tiếp thu ý kiến đóng góp đối với dự thảo nghị quyết, Qua thẩm tra Ban KT – NS nhất trí với tên dự thảo Nghị quyết như UBND tỉnh trình.

(2)- Căn cứ ban hành nghị quyết

Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung các văn bản sau vào căn cứ ban hành nghị quyết:

- Thông tư 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 của Bộ Trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 1768/QĐ-BYT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Công văn số 3617/LĐTBXH-VL ngày 19/9/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện Tiểu dự án hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

(2) Về nội dung dự thảo Nghị quyết: UBND tỉnh đề nghị phương án chỉnh sửa như sau:

“1 Sửa đổi, bổ sung tiết a, điểm 3.2 khoản 3 Điều 5 như sau:

"a) Phân bổ tối đa 20% vốn ngân sách trung ương cho các Sở, ban ngành tuyến tỉnh thực hiện dự án, tối thiểu 80% vốn ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố".

2 Sửa đổi, bổ sung tiết a, điểm 4.3, khoản 4, Điều 5 như sau:

"a) Phân bổ vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án:

⁵ gồm những nội dung xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc; quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác; giao dịch việc làm; thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động; kết nối việc làm thành công

Đối với vốn đầu tư phát triển: Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành, đơn vị liên quan thực hiện.

Đối với vốn sự nghiệp: Phân bổ tối đa 20% cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; tối thiểu 80% cho các huyện, thành phố".

Ban KT –NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo bổ sung số kinh phí đã phân bổ và tiến độ thực hiện các nội dung, số vốn đã giải ngân để khẳng định khả năng thực hiện của các địa phương, đơn vị? Căn cứ đề xuất, tính toán để đưa ra các tỷ lệ phân bổ mới.

(3) Về thể thức và kỹ thuật soạn thảo văn bản:

- Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh soạn thảo lại nội dung các khoản của Điều 1 dự thảo Nghị quyết để khi đọc vào nghị quyết mới người đọc không phải tra cứu lại các nội dung quy định tại Điều 5 của Quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng.

- Tại điều 4 của dự thảo Nghị quyết đề nghị quy định "... có hiệu lực từ ngày thông qua".

- Rà soát lại nơi nhận của Nghị quyết để đảm bảo đúng và đủ theo các quy định hiện hành.

Ban KT - NS đề nghị các đại biểu xem xét, thảo luận và nhất trí thông qua nghị quyết.

III. Nghị quyết hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Căn cứ Điều h Khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh: "...**quyết định biện pháp quản lý, sử dụng đất đai,...**";

Khoản 10 Điều 22 Luật đất đai năm 2013 quy định một trong những nội dung quản lý nhà nước về đất đai là: "Quản lý tài chính về đất đai và giá đất";

Như vậy, theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền thông qua Bảng giá đất định kỳ 5 năm và điều chỉnh bảng giá đất.

Theo hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh Vũng Tàu về thẩm quyền của Thường trực HĐND tỉnh

trong việc điều chỉnh bảng giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất⁶: ***Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung liên quan đến việc điều chỉnh giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất.***

Vì vậy, Dự thảo Nghị quyết hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh, đúng theo quy định của pháp luật. Ban KT - NS nhất trí.

3. Về nội dung Nghị quyết

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua hệ số điều chỉnh giá đất (sau đây gọi tắt là hệ số K) năm 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng dùng để tính giá đất cụ thể trên cơ sở giá đất phổ biến trên thị trường, điều kiện kinh tế - xã hội ở địa phương và bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Dự thảo Nghị quyết quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 đối với các vị trí đất tại các tuyến đường có hệ số từ 1,0 đến 1,2, cơ bản không chênh lệch so với Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022, cụ thể:

- Giữ nguyên hệ số như năm 2022 không điều chỉnh gồm 06 huyện, thành phố: Hà Quảng, Hòa An, Nguyên Bình, Hạ Lang, Thạch An và Thành phố.

- Bổ sung, điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất đối với vị trí đất tại một số tuyến đường thuộc 04 huyện: Bảo Lâm, Trùng Khánh, Bảo Lạc, Quảng Hòa (năm 2023 tăng lên 0,1; 0,05 so với năm 2022).

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

- Đối với căn cứ ban hành, Ban KT-NS đề nghị Sở Tài chính bổ sung thêm các căn cứ: Nghị quyết số 33/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 Thông qua Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 – 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2021 Điều chỉnh, bổ sung một số điều Quy định Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Cao Bằng.

- Qua báo cáo, giải trình của cơ quan soạn thảo đối với việc tăng hoặc giữ nguyên hệ số điều chỉnh giá đất đối với các vị trí đất tại các tuyến đường, Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí với hệ số điều chỉnh giá đất của các huyện, thành phố tại phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết.

- Ban KT-NS đề nghị Sở Tài chính chỉnh sửa lại nội dung tại Điều 3 (các trường hợp áp dụng hệ số K) nêu rõ chi tiết các trường hợp áp dụng hệ số K; Bổ sung thêm “**Điều 4. Phương pháp xác định giá các loại đất theo hệ số K**” vào dự thảo Nghị quyết.

⁶ Công văn số 288/UBTVQH15-CTĐB ngày 09/8/2022 về thẩm quyền của Thường trực HĐND tỉnh; Công văn số 413/UBTVQH15-CTĐB ngày 08/2/2023 về thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh trong việc điều chỉnh bảng giá đất

- Theo quy định pháp luật: hàng năm UBND cấp tỉnh phải xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn. Tuy nhiên, Ban Kinh tế - Ngân sách thấy rằng, Sở Tài chính cần chủ động tham mưu cho UBND tỉnh sớm xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 và trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành hệ số điều chỉnh giá đất vào thời điểm cuối năm 2022. Đến thời điểm hiện tại mới trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là chậm trễ, các địa phương không có căn cứ tính toán trong việc xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh trong bốn tháng đầu năm 2023.

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

B. ĐỐI VỚI CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CÁ BIỆT

I. Nghị quyết Thông qua Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ UBND tỉnh trình đầy đủ theo quy định.

2. Căn cứ pháp lý

Theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh xem xét, thông qua quy hoạch là một bước trong quy trình lập quy hoạch tỉnh, trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Vì vậy việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Thông qua Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là đúng thẩm quyền, đúng theo quy định của Luật Quy hoạch.

3. Quy trình thực hiện

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng theo đúng quy trình, quy hoạch tỉnh được xây dựng trên cơ sở tích hợp 24 quy hoạch của các sở, ngành.

Quy hoạch tỉnh đã được thông qua Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh (Hội đồng thẩm định có báo cáo thẩm định số 2046/BC-HĐND ngày 22/3/2023 về hồ sơ Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050). Tuy nhiên, UBND tỉnh chưa có báo cáo giải trình tiếp thu các ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh đã nêu trong báo cáo thẩm định. Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung báo cáo giải trình tiếp thu các ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh theo quy định.

4. Nội dung của dự thảo Nghị quyết

(1) Quan điểm: Đề nghị UBND tỉnh bổ sung nội dung “Quy hoạch tỉnh phải phù hợp với các chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước; thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và bền vững; bảo đảm dân chủ, sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng”.

(2) Về các chỉ tiêu cụ thể

- Các chỉ tiêu đưa ra trong dự thảo Nghị quyết là cao, đề nghị UBND tỉnh làm rõ căn cứ để đưa ra chỉ tiêu tăng trưởng GRDP bình quân 9,72%/năm; tỷ trọng khu vực nông nghiệp chiếm khoảng 12,5%GRDP?

- Chỉ tiêu về môi trường: dự thảo nghị quyết đang quy định “tỷ lệ nước thải ra môi trường lưu vực các sông được xử lý và tái sử dụng đạt 40%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được tái sử dụng và tái chế đạt 50%”. Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh tách riêng tỷ lệ xử lý và tỷ lệ tái sử dụng.

- Chỉ tiêu đến năm 2030 có 03 huyện đạt chuẩn nông thôn mới là thấp (do đến năm 2025 tỉnh đã phân đầu có 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới).

(3) Về Phát triển các ngành, lĩnh vực

Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh rà soát, bổ sung các nội dung:

- Nội dung của quy hoạch chưa nêu được các thế mạnh riêng có của địa phương (Khai thác thế mạnh từ du lịch với địa điểm du lịch Thác Bản Giốc, huyện Trùng Khánh; Kết nối về thương mại quốc tế thông qua cửa khẩu Trà Lĩnh đến tỉnh Trùng Khánh của Trung Quốc).

- Về phát triển ngành nông nghiệp: phân vùng phát triển ngành nông nghiệp chưa hợp lý, cần xác định lại các vùng: sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, vùng sản xuất tập trung.

- Đề nghị làm rõ ngành, lĩnh vực nào là quan trọng trên địa bàn tỉnh (các trụ cột của tăng trưởng) giải pháp cụ thể để các ngành này phát triển là gì ?

(4) Về Không gian phát triển các hoạt động kinh tế:

Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh trình bày cụ thể hơn các ngành, hoạt động kinh tế có xung đột không? Trong đó làm rõ và xác định lại các nội dung:

- Xác định Quy hoạch phát triển các sản phẩm nông nghiệp của địa phương và không gian phát triển chưa phù hợp (cam, quýt không phải là thế mạnh của huyện Hòa An do quy mô nhỏ, huyện Hạ Lang không có thế mạnh về lúa nước; cây thuốc lá chỉ phát triển tốt ở 4 địa phương huyện, hiện nay liệt kê 6 huyện; cây mía là thế mạnh của huyện Hạ Lang, dự thảo xác định ở Thạch an là chưa đúng; Lê ở huyện Nguyên Bình cần được đưa vào thế mạnh để phát triển).

- Công nghiệp thủ công: đề nghị bổ sung ngành nghề rèn dao.

- Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp ở đâu? Công nghiệp khoáng sản gì? ở đâu để triển khai thực hiện. Việc xác định đến năm 2030 công nghiệp tỉnh Cao Bằng tập trung vào một số ngành không hợp lý (công nghiệp điện tử, công nghiệp hóa chất, hóa dược và dược) do cần phải có nguồn lực để đầu tư nên cần xem xét kỹ các nội dung đầu tư này.

(5) Danh mục dự án ưu tiên đầu tư: Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh phân kỳ rõ giai đoạn đầu tư và bổ sung các dự án hiện nay chưa có danh mục cụ thể, cần đưa vào để triển khai thực hiện.

- Đối với dự án đầu tư từ ngân sách nhà nước, đề nghị có phân giai đoạn ưu tiên đầu tư: giai đoạn 2021- 2025 tổng hợp các dự án trọng điểm đã được

Thủ tướng Chính phủ giao, bổ sung các dự án trọng điểm của tỉnh đã được Ban chấp hành tỉnh ủy cho Chủ trương; giai đoạn 2026- 2030 lựa chọn các dự án có tính trọng điểm để phát triển; giai đoạn sau 2030 cần lựa chọn một số dự án có tính chất định hướng của tỉnh.

- Đối với dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách: giai đoạn 2021- 2025 lựa chọn từ các dự án tỉnh kêu gọi đầu tư và dự án đang được các nhà đầu tư đang thực hiện các bước để xin quyết định chủ trương đầu tư. Giai đoạn 2026- 2030 lựa chọn từ các dự án thuộc ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển của tỉnh. Giai đoạn sau 2030 cần lựa chọn một số dự án ưu tiên kêu gọi thu hút đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách.

(6) Các nhóm giải pháp chủ yếu:

- Giải pháp về huy động vốn đầu tư: Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh cần xác định rõ vốn đầu tư NSNN; vốn ngoài NSNN.

- Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực: Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh cần xác định đây là nhân lực lao động của toàn xã hội: đề nghị có giải pháp đối với lực lượng lao động chuyển từ ngành nông nghiệp sang ngành khác (đến năm 2030 nông nghiệp chỉ còn 12,5% GRDP).

(7) Đối với chỉ tiêu sử dụng đất

- Đối với chỉ tiêu sử dụng đất của các dự án đầu tư công đang triển khai thực hiện giai đoạn 2021-2025: Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh phân bổ chỉ tiêu theo Quyết định số 326/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025, đề nghị các dự án đầu tư công đến năm 2025 quy hoạch phải được bố trí đủ diện tích đất để triển khai thực hiện.

- Đồng thời, Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành rà soát các nội dung của quy hoạch của ngành, đơn vị để đảm bảo Quy hoạch tỉnh khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chưa triển khai thực hiện đã phát sinh vướng mắc cần phải điều chỉnh.

Ban KTNS đề nghị các đại biểu xem xét, thảo luận và nhất trí thông qua nghị quyết.

II. Nghị quyết Điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ UBND tỉnh trình Ban KTNS thẩm tra cơ bản đầy đủ theo quy định. Tuy nhiên, hồ sơ do UBND tỉnh trình thiếu báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách địa phương Quý I/2023 và lý do đề nghị điều chỉnh, Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh bổ sung báo cáo.

2. Về căn cứ pháp lý

Căn cứ chỉ tiêu về dự toán ngân sách nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ và Bộ Trưởng Bộ Tài chính quyết định⁷, UBND đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quyết định dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2023.

Theo Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh số kinh phí chi thường xuyên chưa phân bổ năm 2023 ở cấp tỉnh là 700,251 tỷ đồng. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023 như sau: *Điều chỉnh giảm chi thường xuyên số tiền là 339.000 triệu đồng; Điều chỉnh tăng chi đầu tư phát triển số tiền là 339.000 triệu đồng.*

Qua thẩm tra Ban KTNS thấy rằng:

(1) Nội dung Tờ trình số 966/TTr- UBND ngày 21/6/2023 về dự thảo thảo Nghị quyết điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023 của UBND tỉnh chưa đưa ra được căn cứ để HĐND tỉnh ban hành nghị quyết;

(2) Trong Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, thẩm quyền của HĐND tỉnh không có nội dung điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương từ “Điều chỉnh giảm chi thường xuyên, Điều chỉnh tăng chi đầu tư phát triển”.

(3) Khoản 3 Điều 49 (phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước) Luật Ngân sách quy định: *“3. Ngoài cơ quan có thẩm quyền giao dự toán ngân sách, không tổ chức hoặc cá nhân nào được thay đổi nhiệm vụ ngân sách đã được giao”.*

(4) Tại Khoản 2 điều 3 Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 quy định:

“2. Phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên:

a) Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải đảm bảo khớp đúng dự toán được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính giao, Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân giao...”.

Tuy nhiên, căn cứ điểm c, khoản 7, điều 3 tại Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng chính phủ *“Đối với hỗ trợ cân đối chi ngân sách địa phương, hội đồng nhân dân cấp tỉnh được chủ động cơ cấu chi ngân sách địa phương, theo nguyên tắc tiết kiệm chi thường xuyên để tập trung nguồn lực chi đầu tư phát triển.*

⁷ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023; Quyết định số 2528/QĐ-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Với lý do trên, việc ban hành Nghị quyết điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023 là cần thiết, phù hợp với quy định hiện hành, Ban KTNS nhất trí.

3. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023 như sau:

“1. Điều chỉnh giảm chi thường xuyên số tiền là 339.000 triệu đồng.

2. Điều chỉnh tăng chi đầu tư phát triển số tiền là 339.000 triệu đồng.

(Có biểu số: 15, 17, 33, 34, kèm theo)”

Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2023 số kinh phí chi thường xuyên chưa phân bổ năm 2023 ở cấp tỉnh là 700,251 tỷ đồng.

Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh giải trình, sau khi điều chỉnh giảm chi thường xuyên số tiền là 339.000 triệu đồng thì các nhiệm vụ của chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh có đảm bảo không?

Ban KT - NS đề nghị các đại biểu xem xét, thảo luận và quyết định.

III. Nghị quyết phê duyệt danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 nguồn ngân sách địa phương

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ do UBND tỉnh trình chưa đầy đủ theo quy định. Tuy nhiên, hồ sơ UBND tỉnh trình sang HĐND tỉnh chậm 02 ngày theo Thông báo số 89/TB-HĐND ngày 31/3/2023 của Thường trực HĐND tỉnh về việc Thông báo thời gian, nội dung, chương trình và phân công chuẩn bị cho Kỳ họp thứ 13 (Chuyên đề) Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026.

Nội dung Tờ trình số 925/TTr-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Cao Bằng: không có nội dung trình HĐND tỉnh, không ghi số vốn đề nghị kéo dài, không ghi số dự án đề nghị kéo dài mà chỉ đầu (...) và không có bảng biểu kèm theo. Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh trình lại Tờ trình mới có đầy đủ nội dung trình, có ghi số vốn đề nghị kéo dài, có số dự án đề nghị kéo dài và có bảng biểu kèm theo.

2. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành các Nghị quyết về phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2022, trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao chi tiết kế hoạch vốn cho các chủ đầu tư thực hiện. Trong quá trình thực hiện, một số dự án gặp vướng mắc, không thể giải ngân hết số kế hoạch vốn năm 2022 được giao và có nhu cầu kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023, cụ thể như: vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng; dự án được giao bổ

sung thêm vốn từ nguồn vốn dự kiến giao cho dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) không giải ngân hết do kế hoạch vốn được giao vượt quá khả năng giải ngân; dự án ODA vướng mắc về thủ tục; dự án hoàn thành năm 2022 nhưng chưa quyết toán dự án hoàn thành và một số nguyên nhân khác quan không thể lường trước khác.

Tại Khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công quy định: *“Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với vốn ngân sách Trung Ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau ...”*.

Do vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 nguồn ngân sách địa phương là cần thiết và đúng thẩm quyền, đúng theo quy định của Luật Đầu tư công.

3. Về nội dung Nghị quyết:

UBND tỉnh HĐND tỉnh phê duyệt danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 nguồn ngân sách địa phương. Tuy nhiên, trong dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình không có nội dung trình, không ghi số vốn đề nghị kéo dài, không ghi số dự án đề nghị kéo dài mà chỉ đề (...).

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

(1) Tại căn cứ dự thảo Nghị quyết, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh chỉnh sửa cho chính xác các Nghị quyết số 87/NQ-HĐND; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND vì các Nghị quyết trên là Nghị quyết cá biệt.

(2) Tại tờ trình của UBND tỉnh trình không có số liệu về số vốn đề nghị kéo dài, số lượng dự án, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh trình lại tờ trình mới có đầy đủ số vốn đề nghị kéo dài, số lượng dự án, các nội dung cần thiết khác và các bảng biểu kèm theo. Đồng thời, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh dự thảo lại Nghị quyết đảm bảo có đầy đủ nội dung, có ghi số vốn được kéo dài, có số dự án được kéo dài. Tại phân biểu kèm theo: Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung thêm 2 cột: Lũy kế số vốn đã giao và Lũy kế số vốn đã giải ngân trong năm 2022.

(3) Đối với việc đề số lượng lớn các công trình (274 dự án) và số vốn giải ngân (555.968,449 triệu đồng) kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân, như vậy sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn đầu tư? Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung thêm phần đánh giá trách nhiệm của các bên liên quan. Giải pháp để khắc phục trong năm 2023 và các năm tiếp theo?

(4) Tại Biểu số 01, mục các dự án có tính chất mật, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh xem xét nên thiết kế tại 01 biểu riêng.

(5) Trong quá trình thẩm tra: Sở Kế hoạch Đầu tư báo cáo thêm những nội dung chưa đưa vào Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét mà chỉ thể hiện trong Báo cáo của UBND tỉnh gửi kèm theo Tờ trình:

- 05 dự án đề xuất kéo dài vốn sang năm 2023 với tổng số vốn là 8.299,712 triệu đồng, Sở KH&ĐT đánh giá các dự án này đưa ra lý do chưa khách quan. Tuy nhiên, nhu cầu về vốn của các dự án vẫn còn, nếu không tiếp tục bố trí vốn thì dự án không hoàn thành và không đạt được mục tiêu, hiệu quả đầu tư của dự án. Do vậy, ban KT-NS đề xuất tiếp tục cho kéo dài giải ngân sang năm 2023 với điều kiện UBND tỉnh khẳng định chỉ đạo các chủ đầu tư tổ chức triển khai dự án hoàn thành trong năm 2023.

- 07 dự án không đủ điều kiện kéo dài vốn sang năm 2023 với tổng số vốn là 1.799,458 triệu đồng do lý do không khách quan, không phù hợp, theo báo cáo, UBND huyện Hà Quảng đã có công văn xin kéo dài 74,692 triệu đồng, Ban KT-NS đề xuất tiếp tục cho kéo dài giải ngân sang năm 2023 đối với 74,692 triệu đồng, số còn lại đề nghị thu hồi.

Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh đưa những nội dung này vào Tờ trình của UBND tỉnh đề trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(6) Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh giải trình lý do tổng số vốn chênh lệch giữa cột “Số vốn kế hoạch năm 2022 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2023” và “Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2022 sang năm 2023” là 6.678,147 triệu đồng tại biểu 1, trong đó có một số dự án số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân nhỏ như các dự án: *Sửa chữa cấp bách công ngầm lấy nước và một số đoạn kênh xung yếu công trình hồ Bản Viết, xã Phong Châu, xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng; Dự án đường vào và hệ thống xử lý nước thải KCN Chu Trinh; Xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh ủy Cao Bằng (giai đoạn 2); Trụ sở làm việc Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa.*

Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh rà lại số liệu tại biểu số 2 vì “Số vốn kế hoạch năm 2022 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2023” nhỏ hơn “Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2022 sang năm 2023” là 890,867 triệu đồng, bổ sung nguyên nhân, lý do không đề nghị kéo dài hết số vốn chưa giải ngân.

- Đối với “Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2022 sang năm 2023” tại biểu số 02 thấp hơn so với “Số vốn kế hoạch năm 2022 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2023” là Vốn hỗ trợ cho người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ (như huyện Nguyên Bình, Thạch An) đề nghị UBND tỉnh rà soát, xem xét kỹ và giải trình nguyên nhân, lý do.

(7) Đối với “Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo NQ 20 của HĐND tỉnh”, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh xem xét cho phép kéo dài toàn bộ Số vốn kế hoạch năm 2022 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2023.

(8) Công trình Sửa chữa cấp bách công ngầm lấy nước và một số đoạn kênh xung yếu công trình hồ Bản Viết, xã Phong Châu, xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng: Ban KT-NS không nhất trí với phương án đề nghị của UBND tỉnh. Ban KT-NS đề nghị cho kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2022 sang năm 2023 với số vốn là 1.511,292 triệu đồng để tiếp tục sửa chữa một số tuyến kênh đã xuống cấp của công trình hồ Bản Viết. Trong quá trình khảo sát và giám sát Ban KT-NS đã tổng hợp vào kiến nghị sau khảo sát và giám sát theo ý kiến kiến nghị của cử tri đề nghị sử dụng số vốn là 1.511,292 triệu đồng của dự án chưa sử dụng hết để tiếp tục sửa chữa một số tuyến kênh đã xuống cấp của công trình hồ Bản Viết.

(9) Đối với các dự án thuộc trường hợp theo Khoản đ Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công “*Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép*”, đề nghị các đơn vị chủ đầu tư cần có biên bản xác định do nguyên nhân khách quan.

(10) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh rà soát lại một số dự án có số vốn kéo dài rất nhỏ với nguyên nhân chưa thanh toán chi phí quyết toán dự án hoàn thành như: Cải tạo, sửa chữa di tích lịch sử hang nà Mọc, xã Vân Trình, huyện Thạch An là **870.000** đồng, tổng mức đầu tư **1.300.000.000** đồng; Cấp điện sinh hoạt Cao Xuyên Vác Vầu xã Quốc Toàn, huyện Trà Lĩnh là **1.549.000** đồng, không ghi tổng mức đầu tư; Xây dựng nhà tiêu đội dân quân thường trực xã Cô Ba, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng là **3.393.000** đồng, tổng mức đầu tư **1.000.000.000** đồng; Nhà văn hóa xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng là **3.484.000** đồng, tổng mức đầu tư **3.275.000.000** đồng.

(11) Tại các biểu của dự thảo Nghị quyết:

- Ban KT-NS đề nghị UBND Bỏ sung thêm cột “*Lũy kế thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 31/01/2023*” và “*Lý do đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2022 sang năm 2023*” vì hiện nay đang phải đối chiếu sang báo cáo để kiểm tra sẽ không thuận lợi cho các đại biểu khi theo dõi. Ban KT-NS nhất trí khi ban hành Nghị quyết sẽ bỏ cột “*Lý do đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2022 sang năm 2023*”.

- Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh thống nhất ghi sau số dấu “,” ba chữ số (đơn vị nghìn đồng) và tại các biểu chỉnh sửa dấu “.” và dấu “,” tại số liệu để chính xác.

- Tại biểu số 1: **Phần I. Quốc phòng** Cột mã dự án trùng lặp nhiều lần (7004686), đề nghị UBND tỉnh kiểm tra lại.

- Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh rà soát, ghi đầy đủ các cột số liệu, không để trống số liệu ví dụ như cột tổng mức đầu tư (tại các huyện Hà Quảng, Hòa An, huyện Trùng Khánh trang số 11,12 biểu 1), Ngân sách địa phương (huyện Hòa An trang 6, biểu 2) và một số nội dung khác.

Ban KTNS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét, quyết định.

IV. Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 5)

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ do UBND tỉnh trình đầy đủ theo quy định. Tuy nhiên, hồ sơ UBND tỉnh trình sang HĐND tỉnh chậm 02 ngày theo Thông báo số 89/TB-HĐND ngày 31/3/2023 của Thường trực HĐND tỉnh về việc Thông báo thời gian, nội dung, chương trình và phân công chuẩn bị cho Kỳ họp thứ 13 (Chuyên đề) Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 và được điều chỉnh, bổ sung 04 lần tại các Nghị quyết: Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng, Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 2), Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 3) và Nghị quyết 78/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 4). Theo đó, số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết là 1.502.988,804 triệu đồng. Đồng thời, dự án Cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn- Trà Lĩnh (Cao Bằng) được Thủ tướng Chính phủ nhất trí điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án cần phân bổ thêm nguồn để đảm bảo vốn đối ứng của tỉnh.

Tại thời điểm hiện tại, cần thiết ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 5) với các lý do sau:

- Đến thời điểm hiện tại, một số dự án dự kiến bố trí/bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã đảm bảo đủ điều kiện bố trí/bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn của Luật Đầu tư công.

- Một số dự án đã được giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cần phải điều chỉnh kế hoạch vốn để đảm bảo số vốn bố trí phù hợp với chủ trương đầu tư của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt/ phê duyệt điều chỉnh.

- Cần điều chỉnh lại mức vốn dự phòng chung (đã xác định tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 là 10%) để đảm bảo phù hợp với tỷ lệ dự phòng chung là 5% theo quy định Nghị quyết số 77/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa

phương giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND tỉnh Cao Bằng.

- Để phân bổ nguồn vốn ngân sách địa phương còn tồn, chưa phân bổ theo Thông báo số 2069-CV/VPTU ngày 28/3/2023 của Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng về thông báo kết luận cuộc họp Thường trực Tỉnh ủy về việc phân bổ nguồn ngân sách địa phương; Công văn số 2106-CV/VPTU ngày 14/4/2023 về Thông báo kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc phân bổ nguồn vốn ngân sách địa phương; Công số 2107-CV/VPTU ngày 14/4/2023 về Thông báo kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nguồn chi thường xuyên và nguồn vốn đầu tư ngân sách địa phương năm 2023; Công văn số 2111-CV/VPTU ngày 14/4/2023 của Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng về thông báo kết luận Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 13 về điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023, do vậy cần thiết phải điều chỉnh tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng.

5. Về nội dung Nghị quyết:

- Điều chỉnh tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND.

- Điều chỉnh phân vốn đã thực hiện phân bổ chi tiết tại các Nghị quyết: Nghị quyết số 68/NQ-HĐND, Nghị quyết số 86/NQ-HĐND, Nghị quyết số 25/NQ-HĐND, Nghị quyết số 55/NQ-HĐND và Nghị quyết số 78/NQ-HĐND.

- Điều chỉnh mức vốn dự phòng chung.

- Điều chỉnh phần vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 78/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết.

6. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

(1) Tại căn cứ dự thảo Nghị quyết, ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung thêm căn cứ “*Nghị quyết số 77/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về Sửa đổi một số điều của Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng*”

(2) Đối với điều chỉnh mức vốn dự phòng chung, sau điều chỉnh mức dự phòng chung chỉ còn 4,14%: không đảm bảo theo quy định mức dự phòng chung tại quy định tại Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 77/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về Sửa đổi một số điều của Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng, ... “*dành lại dự phòng 5% để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn cân đối ngân sách địa phương*”.

Mặt khác, theo quy định tại Khoản 6, Điều 51, Luật Đầu tư công: Hội đồng nhân dân các cấp quyết định mức vốn, việc sử dụng, thời điểm sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách cấp mình quản lý. Tại các Nghị quyết số 52/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 và Nghị quyết số 77/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng chưa quy định thời điểm sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách cấp mình quản lý.

Do vậy, Ban KT-NS đề nghị Sở KH&ĐT tham mưu cho UBND tỉnh điều chỉnh dự phòng về mức 5% đúng theo quy định của các Nghị quyết nêu trên. Đồng thời, tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết điều chỉnh mức vốn dự phòng từ 5% xuống mức thấp hơn và thời điểm sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh.

(3) Đối với tên các nguồn vốn đề nghị điều chỉnh tăng (619.323 triệu đồng) do bổ sung từ các nguồn vốn: *Nguồn thu hồi dự toán chi thường xuyên năm 2022; Nguồn chi thường xuyên chưa phân bổ năm 2023; Nguồn đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách địa phương hết nhiệm vụ chi, hết thời hạn giải ngân, đề nghị UBND tỉnh thống nhất được tên gọi chung của các nguồn vốn này để triển khai thực hiện không bị vướng mắc.*

(4) Đối với một số dự án dự kiến thông qua tại kỳ họp, ban KT-NS nhất trí bổ sung vào tại Nghị quyết điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn lần này sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Đối với các dự án đã có số liệu (chủ yếu là các dự án hết nhiệm vụ chi, hết thời hạn giải ngân tại Biểu 3), ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung đầy đủ.

(5) Ban KTNS nhất trí đề nghị của UBND tỉnh xin rút 03 dự án chưa đủ điều kiện để đưa danh mục vào kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại Khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công 2019.

- Dự án đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh Cao Bằng trong giai đoạn 2023-2025: 30.000 triệu đồng.

- Trụ sở làm việc các sở, ban, ngành của tỉnh Cao Bằng: 255.000 triệu đồng.

- Trụ sở làm việc HĐND-UBND-Đoàn ĐBQH tỉnh Cao Bằng: 100.000 triệu đồng.

Bên cạnh đó, ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh chưa thực hiện việc điều chỉnh giảm 355.000 triệu đồng Vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (Nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh).

(6) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh cần ghi chi tiết hơn đối với phần vốn Hỗ trợ đối ứng thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 tại Biểu số 05.

(7) Ngày 11/11/2022, Thường trực HĐND tỉnh Cao Bằng đã có Công văn số 435/HĐND-KTNS về việc Xây dựng nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 5) tỉnh Cao Bằng, đề nghị UBND tỉnh lưu ý kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực X tại Báo cáo kiểm toán được gửi kèm văn bản số 458/KTNN-TH ngày 26 tháng 7 năm 2022

của Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Cao Bằng, đối với Hội đồng nhân dân tỉnh được Kiểm toán Nhà nước kiến nghị nội dung sau:

“- Kiểm tra, rà soát điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đảm bảo tổng nguồn vốn giai đoạn không vượt quá tổng chi đầu tư trong kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh, tuân thủ quy định điểm b, khoản 1, điều 47 Luật Đầu tư công.”

Để thực hiện ý kiến kiến nghị của Kiểm toán nhà nước nêu trên, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu, đề xuất hướng xử lý trong dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thường lệ cuối năm 2022. Tuy nhiên, Ban KT - NS không thấy UBND tỉnh trình điều chỉnh nội dung này trong dự thảo Nghị quyết điều chỉnh đầu trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 5) tỉnh Cao Bằng, Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị sớm thực hiện nội dung trên tại kỳ họp gần nhất.

(8) Đối với số vốn từ nguồn tăng thu ngân sách địa phương và nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở cơ quan làm việc các cơ quan tỉnh hiện còn 260.345,776 triệu đồng chưa phân bổ, Ban KT - NS đề nghị UBND chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đẩy nhanh việc thực hiện các chương trình, dự án dự kiến thực hiện (10 chương trình, dự án) để đủ điều kiện phân bổ theo quy định. Đồng thời, trong 10 chương trình, dự án dự kiến bố trí trên không có các dự án nông nghiệp thông minh. Hồ sơ các dự án nông nghiệp thông minh chưa đủ điều kiện trình thông qua tại kỳ họp thứ 9 (chuyên đề) cho nên không điều chỉnh được tại kỳ họp thứ 9. Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh cho biết, dự kiến bố trí vốn sẽ sắp xếp từ nguồn nào, đồng thời cho biết tiến độ thực hiện thủ tục các dự án nông nghiệp thông minh trên địa bàn tỉnh để đủ điều kiện bố trí vốn?

(9) HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết 68/NQ-HĐND về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương ngày 29/9/2021, đến thời điểm hiện tại mới được 15 tháng, UBND tỉnh đã đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung lần thứ 5, đề nghị UBND tỉnh cần nghiên cứu, rà soát kỹ các dự án để hạn chế số lần điều chỉnh.

Ban KTNS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét, thông qua nghị quyết.

V. Nghị quyết Điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ vốn nguồn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ do UBND tỉnh trình đầy đủ theo quy định. Tuy nhiên, hồ sơ UBND tỉnh trình sang HĐND tỉnh chậm 02 ngày theo Thông báo số 89/TB-HĐND ngày 31/3/2023 của Thường trực HĐND tỉnh về việc Thông báo thời gian, nội dung, chương trình và phân công chuẩn bị cho Kỳ họp thứ 13 (Chuyên đề) Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã được HĐND tỉnh phân bổ tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022.

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg, ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ. Bên cạnh đó, sau một thời gian thực hiện các nghị quyết quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn các CTMTQG còn có một số định mức giao cho các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố không triển khai thực hiện và giải ngân được. Đồng thời, các Bộ ngành trung ương có hướng dẫn, bổ sung khác với Nghị quyết về tiêu chí định mức phân bổ. Vì vậy, cần phải điều chỉnh lại vốn CTMTQG đã giao giai đoạn 2021-2025 giữa các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cho phù hợp với các Văn bản hướng dẫn mới ban hành của Trung ương và phù hợp với thực tế thực hiện tại các địa phương, cơ sở.

3. Về nội dung Nghị quyết:

Điều chỉnh, bổ sung tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là 4.959.596 triệu đồng, cụ thể như sau:

3.1. Điều chỉnh, bổ sung vốn ngân sách Trung ương là 4.706.217 triệu đồng, trong đó:

- Điều chỉnh, bổ sung vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi là: 2.679.114 triệu đồng.

- + Bổ sung vốn cho Dự án 3, Tiểu dự án 2 là 5.606 triệu đồng, với số vốn sau bổ sung là 34.339 triệu đồng.

- + Điều chỉnh Dự án 6: Giảm vốn giao cho các huyện, thành phố 18.900 triệu đồng để tăng cho Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch.

- + Bổ sung vốn cho Dự án 10, Tiểu dự án 2: là 19.261 triệu đồng phân bổ cho các huyện, thành phố thực hiện, tổng vốn sau bổ sung là 78.217 triệu đồng.

- Điều chỉnh, bổ sung vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 1.631.743 triệu đồng, các nội dung điều chỉnh, bổ sung gồm:

- + Bổ sung vốn Tiểu dự án 2, Dự án 1 là 171.488 triệu đồng.

- + Điều chỉnh Dự án 4. Tiểu dự án 3: Giảm các huyện, thành phố 10.129 triệu đồng tăng cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Bổ sung vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho các huyện 62.440 triệu đồng, tổng vốn sau bổ sung là 395.360 triệu đồng.

3.2 Điều chỉnh, bổ sung vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh: 253.379 triệu đồng, trong đó: Điều chỉnh, bổ sung vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi (tăng do nguồn vốn NSTW tăng) là: 136.492 triệu đồng.

3.3 Bổ sung biểu chi tiết danh mục dự án đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 giao cho các sở, ban, ngành của tỉnh với tổng số vốn là 183.648 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương 179.604 triệu đồng, Ngân sách tỉnh 4.044 triệu đồng.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

(1) Tên của dự thảo nghị quyết hiện nay chưa thống nhất với Tờ trình và nội dung của Nghị quyết. Tại Tờ trình và nội dung của Nghị quyết hiện nay không chỉ có bổ sung vốn nguồn đầu tư phát triển mà còn điều chỉnh một số nội dung. Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh chỉnh sửa tên Nghị quyết: *“Nghị quyết Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”*.

(2) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung 02 căn cứ dự kiến trình tại kỳ họp 13:

“Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng”.

“Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng”.

(3) Ban KT-NS đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình căn cứ để đưa ra mức vốn bổ sung cho từng nội dung, cụ thể:

- Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi: Dự án 3, Tiểu dự án 2 là 5.606 triệu đồng và Dự án 10, tiểu dự án 2 là 19.261 triệu đồng.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Huyện Hà Quảng là 86.270 triệu đồng và huyện Trùng Khánh 85.218 triệu đồng.

- Chương trình MTTQG xây dựng nông thôn mới: Mức bổ sung cho từng huyện, thành phố.

(4) Tại Mục b, Khoản 1, Điều 1 dự thảo Nghị quyết

- Đối với nội dung Bổ sung vốn Dự án 1, tiểu dự án 2, ban KTNS đề nghị UBND tỉnh ghi thêm số tổng vốn sau bổ sung (như tại mục a và mục c).

(5) Tại nội dung dự thảo Nghị quyết, ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh ghi chi tiết hơn để thuận lợi cho việc theo dõi, ví dụ:

“Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, tăng từ 4.669.499 triệu đồng lên 4.959.596 triệu đồng (bổ sung vốn ngân sách Trung ương 258.795 triệu đồng và bổ sung vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh 31.302 triệu đồng), cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung vốn ngân sách Trung ương: Bổ sung 258.795 triệu đồng, tăng từ 4.447.422 triệu đồng lên 4.706.217 triệu đồng, trong đó:

a) Điều chỉnh, bổ sung vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi: Bổ sung 24.867 triệu đồng, tăng từ 2.654.247 triệu đồng lên 2.679.114 triệu đồng, gồm:

- Bổ sung vốn cho Dự án 3, Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giao cho huyện Nguyên Bình là 5.606 triệu đồng, số vốn sau bổ sung tăng từ 28.733 lên 34.339 triệu đồng.

- Điều chỉnh Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: giảm vốn giao cho các huyện, thành phố 18.900 triệu đồng để tăng cho Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, số vốn sau điều chỉnh các huyện, thành phố giảm từ 50.473 triệu đồng còn 31.573 triệu đồng, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tăng từ 12.600 triệu đồng lên 31.500 triệu đồng.

...”

Các mục khác cũng tương tự như trên.

(6) Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh giải trình việc bố trí vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh tại Khoản 2 Điều 1 chỉ điều chỉnh với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi (tăng do nguồn vốn NSTW tăng) trong khi 02 chương trình còn lại không thực hiện điều chỉnh, đồng thời ghi rõ số vốn đối ứng của tỉnh, của huyện.

(7) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh cho biết khả năng giải ngân của các đơn vị khi được điều chỉnh bổ sung, đồng thời khẳng định việc bổ sung sẽ thực hiện được.

(8) Tên các phụ lục của Nghị quyết hiện chưa có sự thống nhất, cụ thể:

Phụ lục 1: ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN NSTW CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

Phụ lục 2: TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

Phụ lục 3: ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh thống nhất đặt phụ lục như tại phụ lục 3 để phù hợp nhất với Nghị quyết 28/NQ-HĐND (như ý kiến góp ý của Sở Tài chính). Tuy nhiên, đối với phụ lục 3 không có nội dung bổ sung, ban KTNS đề nghị UBND tỉnh chỉnh sửa lại là điều chỉnh để phù hợp với nội dung.

(9) Đối với các phụ lục:

- Tại các phụ lục, nội dung nào không số số liệu của biểu, ban KT-NS đề nghị để “-“ hoặc số “0”.

- Tại phụ lục 02, ban KT-NS đề nghị kết cấu trước điều chỉnh và sau điều chỉnh giống nhau, hiện nay trước điều chỉnh đang ít hơn 01 cột.

- Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh rà soát lại số liệu, ví dụ như tại phụ biểu 1, nội dung “*Trùng tu tôn tạo di tích Quốc gia đặc biệt tiêu biểu, di tích quốc gia tiêu biểu*” có vốn NSTW là 8.500 triệu đồng trong khi 02 dự án thuộc có tổng mức đầu tư lần lượt là 3.000 triệu đồng và 6.000 triệu đồng.

Ban KTNS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét, quyết định.

VI. Nghị quyết Điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ do UBND tỉnh trình đầy đủ theo quy định. Tuy nhiên, hồ sơ UBND tỉnh trình sang HĐND tỉnh chậm 02 ngày theo Thông báo số 89/TB-HĐND ngày 31/3/2023 của Thường trực HĐND tỉnh về việc Thông báo thời gian, nội dung, chương trình và phân công chuẩn bị cho Kỳ họp thứ 13 (Chuyên đề) Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Vốn ngân sách Nhà nước 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã được HĐND tỉnh phân bổ tại Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022.

Sau một thời gian thực hiện các nghị quyết quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn các CTMTQG còn có một số định mức giao về cho các sở ngành, UBND các huyện, thành phố không thực hiện và giải ngân được; hiện nay các Bộ ngành trung ương có hướng dẫn, bổ sung khác với Nghị quyết về tiêu chí định mức phân bổ và tỉnh cũng đang trình điều chỉnh lại Nghị quyết quy định về tiêu chí, định mức phân bổ của các Chương trình mục tiêu quốc gia. Bên cạnh

đó, hiện nay HĐND tỉnh cũng xem xét về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ 13 (chuyên đề) của HĐND tỉnh. Vì vậy cần phải điều chỉnh lại vốn giao năm 2023 giữa các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cho phù hợp với các Văn bản hướng dẫn mới ban hành của Trung ương và phù hợp với thực tế thực hiện tại các địa phương, cơ sở.

3. Về nội dung Nghị quyết:

3.1 Điều chỉnh phân bổ ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia:

- Điều chỉnh phân bổ ngân sách nhà nước năm 2023 chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi:

+ Điều chỉnh vốn đầu tư dự án Dự án 6: Giảm vốn giao cho các huyện, thành phố 4.570 triệu đồng để tăng cho Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch.

+ Điều chỉnh vốn sự nghiệp dự án Dự án 6: Giảm vốn giao cho các huyện, thành phố 2.825 triệu đồng để tăng cho Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch.

+ Điều chỉnh vốn sự nghiệp dự án Dự án 8: Giảm vốn giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 5.573 triệu đồng để tăng cho Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh.

+ Điều chỉnh vốn sự nghiệp giao tiểu dự án 2 (Dự án 10) cho Liên minh hợp tác xã tỉnh là 1.580 triệu đồng.

- Điều chỉnh phân bổ ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

+ Điều chỉnh vốn sự nghiệp tiểu dự án 2 (Dự án 3) - Cải thiện dinh dưỡng: điều chỉnh giảm tại các huyện 2.300 triệu đồng để tăng cho Sở Y tế và Sở Giáo dục và Đào tạo.

3.2 Điều chỉnh phụ biểu 1 của Nghị quyết số 80/NQ-HĐND – Biểu chi tiết danh mục dự án đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 giao cho các sở, ban, ngành của tỉnh.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

(1) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung căn cứ Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung điều 5 của Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 (Nghị quyết dự kiến trình kỳ họp 13)

(2) Tại dự thảo Nghị quyết Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến điều chỉnh: Tiểu dự án 1 của Dự án 3; Dự án 6; Dự án 7; Dự án 8. Tại Mục 1, dự thảo Nghị quyết hiện nay chỉ thực hiện điều chỉnh vốn đối với Dự án 6; Dự án 8; Tiểu dự án 2, Dự án 10.

Đề nghị UBND tỉnh cho biết lý do không thực hiện điều chỉnh vốn Tiểu dự án 1 của Dự án 3 và Dự án 7 sau khi có thay đổi, điều chỉnh và lý do điều chỉnh vốn đối với Tiểu dự án 2, Dự án 10 khi không có thay đổi, điều chỉnh.

(3) Tại dự thảo Nghị quyết Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến điều chỉnh: Tiêu dự án 2, Dự án 3; Tiêu dự án 3, dự án 4. Tại Mục 1.2, dự thảo Nghị quyết hiện nay chỉ thực hiện điều chỉnh vốn đối với Tiêu dự án 2, Dự án 3.

Đề nghị UBND tỉnh cho biết lý do không thực hiện điều chỉnh vốn đối với Tiêu dự án 2, Dự án 3 sau khi có thay đổi, điều chỉnh.

(4) Tại nội dung dự thảo Nghị quyết, ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh ghi chi tiết hơn để thuận lợi cho việc theo dõi, ví dụ:

- Điều chỉnh vốn đầu tư dự án Dự án 6 - Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: giảm vốn giao cho các huyện, thành phố 4.570 triệu đồng để tăng cho Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, số vốn sau điều chỉnh các huyện, thành phố giảm từ 12.208 triệu đồng còn 7.638 triệu đồng, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tăng từ 3.050 triệu đồng lên 7.620 triệu đồng.

Các mục khác cũng tương tự như trên.

(5) Tại phụ lục 1 và phụ lục 2 đề nghị UBND tỉnh bổ sung phần “*đơn vị: triệu đồng*” vào các biểu.

(6) Tại phụ lục 2, ban KTNS đề nghị UBND tỉnh rà lại số liệu vì Nghị quyết chỉ thực hiện điều chỉnh giảm từ các huyện, thành phố và tăng cho Sở Y tế và Sở Giáo dục và Đào tạo tổng số tiền là 2.300 triệu đồng thì tổng số vẫn không đổi (cột tổng số phân bổ theo Nghị quyết số 80/NQ-HĐND và tổng số phân bổ sau điều chỉnh có sự chênh lệch).

(7) Tại Phụ biểu 1, ban KTNS đề nghị rà lại số liệu cho chính xác, cụ thể tại cột 7, cột 8 các hàng của mục B. *Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững*.

(8) Đề nghị đơn vị soạn thảo cần chú ý tổng hợp cho đúng vì ý kiến góp ý của Huyện Bảo Lâm, thành phố Cao Bằng kèm theo thuộc nội dung nghị quyết điều chỉnh Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022, bên cạnh đó, huyện Bảo Lâm và UBNDTTQ Việt Nam tổng hợp 02 lần và nội dung góp ý khác nhau.

Ban KTNS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét, quyết định.

VII. Nghị quyết Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành

Căn cứ quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 4, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: “*Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương và phù hợp với khả*

năng ngân sách của địa phương, gửi Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để giám sát trong quá trình thực hiện”.

Tại Điểm a Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: *“Ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; danh mục dịch vụ công ích, thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại Điều 5 Nghị định này cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ”.*

Thực hiện Quyết định số 162/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Xây dựng quản lý, ngày 18/12/2018 UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quyết định số 2109/QĐ-UBND về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Tuy nhiên, danh mục được ban hành chưa đầy đủ và chưa đáp ứng nhu cầu của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng hiện nay. Mặt khác, theo Báo cáo số 618/BC-SXD ngày 19/4/2022 Sở xây dựng đề xuất điều chỉnh nội dung Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc do Hiện nay quy hoạch vùng tỉnh đã được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Cao Bằng, dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, do đó danh mục “Quy hoạch vùng tỉnh” không còn phù hợp với thực tế tại tỉnh Cao Bằng.

Do vậy, để đảm bảo các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực xây dựng thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo đúng quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019, UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và có đầy đủ căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

3. Về nội dung Nghị quyết

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, gồm 12 dịch vụ, trong đó:

- Dịch vụ sự nghiệp kinh tế: 05 dịch vụ;
- Dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học, công nghệ: 06 dịch vụ;
- Dịch vụ sự nghiệp công về bảo vệ môi trường: 01 dịch vụ.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng trên cơ sở danh mục theo Quyết định số 162/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành

danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Xây dựng quản lý và trên cơ sở thực tế tại tỉnh Cao Bằng khi thực hiện Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và các địa phương lân cận.

(1) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh giải trình những nội dung đã bổ sung, lược bỏ so với Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng.

* Các nội dung bổ sung so với Quyết định số 2109/QĐ-UBND:

Mục I: Dịch vụ sự nghiệp Kinh tế

- Lập các đồ án quy hoạch theo phân cấp
- + Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.
- + Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu chức năng.
- + Quy hoạch xây dựng nông thôn.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh.
- Thu thập dữ liệu, Xây dựng và duy trì hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, tình hình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý về hệ thống định mức, giá xây dựng, giá ca máy, giá thuê máy, giá nhân công, giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá và suất đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh.

Mục II: Dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học công nghệ

- Xây dựng các định mức, đơn giá về dịch vụ hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng, ban hành khung giá cho thuê, thuê mua nhà ở theo quy định.
- Xây dựng bộ đơn giá xây dựng công trình; bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị.
- Khảo sát, xác định đơn giá nhân công xây dựng; giá ca máy, thiết bị thi công xây dựng; giá vật liệu xây dựng; xây dựng chỉ số giá xây dựng công trình.
- Xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển đô thị; khu vực phát triển đô thị; Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở.
- Công tác giám định, kiểm định xây dựng.
- + Giám định chất lượng; Giám định tư pháp trong hoạt động xây dựng.
- + Kiểm định xây dựng: Thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình.

* Các nội dung lược bỏ so với Quyết định số 2109/QĐ-UBND:

Mục I: Dịch vụ sự nghiệp Kinh tế

- Thực hiện các cuộc điều tra thống kê định kỳ nhằm thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện các cuộc điều tra thống kê về tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh.

Mục IV. Dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực đào tạo.

(2) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh rà soát bổ sung địa điểm thực hiện cho phù hợp tại **Mục 3: Dịch vụ sự nghiệp công về bảo vệ môi trường**, đồng thời tiếp tục rà soát các dịch vụ của lĩnh vực xây dựng đảm bảo đầy đủ.

Ban KT - NS đề nghị Kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

VIII. Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2023

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

3. Về nội dung Nghị quyết

UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 03 dự án với tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng là 8,03ha, loại rừng: rừng trồng (quy hoạch rừng sản xuất), cụ thể:

3.1. Dự án Nhà máy cấp nước sạch thị trấn Trà Lĩnh, huyện Trùng Khánh: diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng là 0,42ha, loại rừng: rừng trồng (quy hoạch rừng sản xuất).

Theo báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định thuộc UBND tỉnh (Báo cáo số 741/BC-HĐTĐ ngày 31/3/2023) đối với hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Nhà máy cấp nước sạch thị trấn Trà Lĩnh, huyện Trùng Khánh được khẳng định là phù hợp quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất của huyện Trùng Khánh, dự án đã được tích hợp vào quy hoạch tỉnh và báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT tích hợp vào quy hoạch lâm nghiệp quốc gia để đưa ra ngoài quy hoạch lâm nghiệp.

3.2. Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Cao Bằng: diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng là 4,43ha, loại rừng: rừng trồng (quy hoạch rừng sản xuất).

Theo báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định thuộc UBND tỉnh (Báo cáo số 870/BC-HĐTĐ ngày 14/4/2023) đối với hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Cao Bằng được khẳng định là phù hợp quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất của thành phố Cao Bằng, dự án đã được tích hợp vào quy hoạch tỉnh và báo

cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT tích hợp vào quy hoạch lâm nghiệp quốc gia để đưa ra ngoài quy hoạch lâm nghiệp.

3.3. Dự án Khu tái định cư 2 khu đô thị mới, thành phố Cao Bằng: diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng là 3,18ha, loại rừng: rừng trồng (quy hoạch rừng sản xuất).

Theo báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định thuộc UBND tỉnh (Báo cáo số 872/BC-HĐTĐ ngày 14/4/2023) đối với hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Khu tái định cư 2 khu đô thị mới, thành phố Cao Bằng được khẳng định là phù hợp quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất của thành phố Cao Bằng, dự án đã được tích hợp vào quy hoạch tỉnh và báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT tích hợp vào quy hoạch lâm nghiệp quốc gia để đưa ra ngoài quy hoạch lâm nghiệp.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

- Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, xác định vị trí, ranh giới đảm bảo thống nhất giữa hồ sơ và thực địa.

- Đề nghị bổ sung Bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/2.000) của dự án Khu tái định cư 2 khu đô thị mới, thành phố Cao Bằng.

- Đề nghị UBND tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu và thông tin của 03 dự án đã trình chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Ban KT-NS nhất trí trình kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

IX. Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 (bổ sung, điều chỉnh đợt 1)

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

3. Về nội dung Nghị quyết

3.1. Dự án, công trình bổ sung:

UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh thông qua danh mục 05 dự án cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng với tổng diện tích thực hiện của 05 dự án là: 53,09ha, trong đó: đất trồng lúa: 2,54ha, đất rừng phòng hộ: 8,65ha, đất rừng đặc dụng: 0ha, đất khác: 41,90ha, cụ thể:

- Dự án Khu tái định cư phục vụ GPMB dự án Khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa, thành phố Cao Bằng: diện tích thu hồi: 15,10ha, trong đó: đất trồng lúa: 1,03ha, đất khác: 14,07ha (không có đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng).

- Dự án Đầu tư xây dựng trụ sở Đội Kiểm soát Hải quan tỉnh Cao Bằng: diện tích thu hồi: 0,32ha (không có đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng).

- Dự án Đầu tư xây dựng trụ sở Chi cục Hải quan cửa khẩu Trà Lĩnh: diện tích thu hồi: 0,95ha (không có đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng).

- Dự án Khai trường khu Bắc mỏ sắt Nà Rua (giai đoạn 1) thuộc dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua: diện tích thu hồi 21ha, trong đó: đất trồng lúa: 1,3ha, đất khác 19,70ha (không có đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng).

- Dự án Đường tỉnh 208 từ thị trấn Đông Khê (huyện Thạch An) – xã Cách Linh, xã Triệu Âu (huyện Phục Hòa) – xã An Lạc, thị trấn Thanh Nhật, xã Đức Quang (huyện Hạ Lang) – xã Chí Viễn (huyện Trùng Khánh): diện tích thu hồi: 15,72ha, trong đó: đất trồng lúa: 0,21ha, đất rừng phòng hộ 8,65ha, đất khác 6,86ha.

3.2. Dự án, công trình điều chỉnh:

Điều chỉnh tên, diện tích thu hồi đất và địa điểm thực hiện của Dự án đường tránh thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, nội dung điều chỉnh:

- Đổi tên dự án từ: **“Đường tránh thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng”** thành: **“Đường tránh thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng”**.

- Tăng diện tích thu hồi từ 16,10ha lên 25,72ha (tăng 9,62ha), cụ thể: đất trồng lúa tăng từ 5ha lên 9,67ha (tăng 4,67ha), đất rừng phòng hộ tăng từ 0ha lên 0,83ha (tăng 0,83ha), đất khác tăng từ 11,10ha lên 15,22ha (tăng 4,12ha).

- Địa điểm thực hiện: bổ sung thêm xã Trường Hà, huyện Hà Quảng.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

- Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí trình kỳ họp HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất đối với 03 dự án gồm: Dự án Khu tái định cư phục vụ GPMB dự án Khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua, thành phố Cao Bằng; Dự án Đầu tư xây dựng trụ sở Đội Kiểm soát Hải quan tỉnh Cao Bằng; Dự án Đầu tư xây dựng trụ sở Chi cục Hải quan cửa khẩu Trà Lĩnh và nhất trí điều chỉnh tên, diện tích thu hồi đất và địa điểm thực hiện của Dự án đường tránh thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng.

- Đối với dự án Khai trường khu Bắc mỏ sắt Nà Rua (giai đoạn 1) thuộc dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua: Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị chủ đầu tư và các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh cần khẳng định việc triển khai thực hiện dự án được thực hiện trong năm 2023, có cam kết bố trí vốn thực hiện dự án của chủ đầu tư, có kế hoạch giải phóng mặt bằng thực hiện dự án chi tiết, cụ thể theo từng mốc thời gian để có căn cứ bổ sung vào danh mục dự án thu hồi đất năm 2023. Lý do:

+ Dự án này đã được thông qua danh mục thu hồi đất để thực hiện quá 03 năm liên tiếp, phải hủy bỏ theo quy định tại Điều 49 Luật đất đai, do đó, bị đưa ra khỏi danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023.

+ Dự án không có tài liệu bổ sung mới so với trước đây, căn cứ pháp lý thực hiện thu hồi vẫn chỉ là Giấy chứng nhận đầu tư số 11121000124 ngày 21/02/2011, Giấy phép số 1271/GP-BTNMT ngày 30/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Muốn triển khai thực hiện được dự án này thì phải triển khai thực hiện được dự án Khu tái định cư phục vụ GPMB dự án Khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua, tuy nhiên dự án Khu tái định cư phục vụ GPMB dự án Khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua mới được phê duyệt dự án tại Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh, và đang được trình thông qua danh mục thu hồi đất tại kỳ họp lần này.

- Đối với Dự án Đường tỉnh 208 từ thị trấn Đông Khê (huyện Thạch An) – xã Cách Linh, xã Triệu Âu (huyện Phục Hòa) – xã An Lạc, thị trấn Thanh Nhật, xã Đức Quang (huyện Hạ Lang) – xã Chí Viễn (huyện Trùng Khánh): Ban Kinh tế - Ngân sách không đồng ý bổ sung vào danh mục dự án thu hồi đất năm 2023. Lý do: Theo Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 – 2025: dự án đường 208 thuộc dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 – 2020 sang giai đoạn 2021 – 2025, thời gian thực hiện và giải ngân đến hết ngày 31/12/2022, quá thời hạn trên không giải ngân hết, thực hiện hủy kế hoạch và dự toán theo quy định. Hiện nay, dự án này được UBND tỉnh đề xuất với Chính phủ kéo dài giải ngân sang năm 2023 với số vốn 349,542 tỷ đồng, nếu dự án được Thủ tướng Chính phủ nhất trí cho phép kéo dài giải ngân sang năm 2023 thì mới đảm bảo điều kiện tiếp tục thu hồi đất để triển khai thực hiện.

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

X. Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 (bổ sung, điều chỉnh đợt 1)

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

3. Về nội dung Nghị quyết

3.1. Dự án, công trình bổ sung:

UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh thông qua danh mục 03 dự án với diện tích đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất là: 11,19ha, trong đó: đất trồng lúa: 2,54ha, đất rừng phòng hộ: 8,65ha, cụ thể:

- Dự án Khu tái định cư phục vụ GPMB dự án Khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua, thành phố Cao Bằng: chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa: 1,03ha.

- Dự án Khai trường khu Bắc mỏ sắt Nà Rua (giai đoạn 1) thuộc dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua: chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa: 1,3ha.

- Dự án Đường tỉnh 208 từ thị trấn Đông Khê (huyện Thạch An) – xã Cách Linh, xã Triệu Âu (huyện Phục Hòa) – xã An Lạc, thị trấn Thanh Nhật, xã

Đức Quang (huyện Hạ Lang) – xã Chí Viễn (huyện Trùng Khánh): chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa: 0,21ha, đất rừng phòng hộ 8,65ha.

3.2. Dự án, công trình điều chỉnh:

Điều chỉnh tên, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất và địa điểm thực hiện của Dự án đường tránh thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, nội dung điều chỉnh:

- Đổi tên dự án từ: **“Đường tránh thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng”** thành: **“Đường tránh thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng”**.

- Tăng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất từ 5ha lên 10,5ha (tăng 5,5ha), trong đó: Tăng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 5ha lên 9,67ha (tăng 4,67ha); tăng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ từ 0ha lên 0,83ha (tăng 0,83ha).

- Địa điểm thực hiện: bổ sung thêm xã Trường Hà, huyện Hà Quảng.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

- Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí trình kỳ họp HĐND tỉnh thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất đối với Dự án Khu tái định cư phục vụ GPMB dự án Khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa, thành phố Cao Bằng và nhất trí điều chỉnh tên, diện tích chuyển mục đích sử dụng và địa điểm thực hiện của Dự án đường tránh thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng.

- Đối với dự án Khai trường khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa (giai đoạn 1) thuộc dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa và Dự án Đường tỉnh 208 từ thị trấn Đông Khê (huyện Thạch An) – xã Cách Linh, xã Triệu Ấu (huyện Phục Hòa) – xã An Lạc, thị trấn Thanh Nhật, xã Đức Quang (huyện Hạ Lang) – xã Chí Viễn (huyện Trùng Khánh): Nếu được đưa vào danh mục dự án thu hồi đất thì mới xem xét, quyết định đưa vào danh mục dự án đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng. Đối với 02 dự án này, Ban Kinh tế - Ngân sách đã đưa ra ý kiến của Ban tại nội dung thẩm tra dự thảo Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 (bổ sung, điều chỉnh đợt 1).

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đối với các báo cáo, hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp thứ 13 (chuyên đề) HĐND tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021-2026, kính trình kỳ họp xem xét, thảo luận và quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh Cao Bằng;
- Ủy ban MTTQ tỉnh Cao Bằng;
- Các đại biểu tham dự kỳ họp;
- Ban Kinh tế - Ngân sách;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN

La Văn Hồng

